

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HSST

Ngày: 27/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Trung

Ông Phan Xuân Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST ngày 19/5/2017, đối với bị cáo:

Lê Tuấn A, sinh ngày 01/02/1996. Tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trú tại: thôn T, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; con ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: ngày 10/8/2011 bị Công an huyện Quảng Trạch quyết định xử lý hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 09/01/2013 bị Công an huyện Quảng Trạch quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 19/10/2013 bị Công an huyện Quảng Trạch quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi gây rối trật tự công cộng và ngày 08/9/2015 bị Công an huyện Quảng Trạch quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2017 cho đến ngày 04/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng hình thức “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

Anh Hoàng Nam Y, sinh năm 1978. Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị B. Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1929. Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Anh Hoàng Minh N, sinh năm 1991. Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần B, sinh năm 1995. Trú tại: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Anh Ngô Xuân H, sinh năm 1986. Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ dân phố 7, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Tuấn A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố về hành vi như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/10/2016, Lê Tuấn A đến quán của anh Hoàng Minh N chơi game. Khoảng 23 giờ Tuấn A quan sát thấy nhà anh Hoàng Nam Y ở gần bên cửa hé mở, không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân. Tuấn A đi đến cửa hông nhà dùng tay gạt nhẹ cửa đột nhập vào phòng ngủ của vợ chồng anh Y lấy trộm 01 chiếc điện thoại Samsung J3 màu đồng và 01 điện thoại OPPO A37 NEO9 màu kim bỏ vào túi quần. Sau đó Anh đi vào phòng của bà Nguyễn Thị Đ lấy trộm 01 điện thoại Samsung Galaxy S3 màu trắng, 01 túi vải màu đen, trong túi có số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản A quay lại quán Internet của anh N, thấy vợ chồng anh N đang ngủ nên A lên vào phòng ngủ lấy số tiền 2.500.000 đồng để trong túi quần bỏ của anh N. Sau đó A đi ra bờ đê thôn Phù Ninh, xã Quảng Thanh kiểm tra tài sản trộm cắp được.

Tài sản mà bị cáo Lê Tuấn A đã chiếm đoạt theo định giá của cơ quan chuyên môn có giá trị là 7.197.500 đồng và 9.500.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 16.697.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 22/VKS-KT ngày 17/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điều 31; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tuấn A từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ những ngày bị bắt tạm giam. Về trách nhiệm dân sự và xử lý tang vật: không xem xét.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bị hại là anh N và anh Y đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo Lê Tuấn A được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà bị cáo đã thực hiện vào tối ngày 23/10/2016 tại nhà của anh Hoàng Nam Y và tại quán Internet của anh Hoàng Minh N ở thôn P, xã Q. Bị cáo đã lợi dụng đêm tối cùng với sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của gia đình anh Y, anh N, đã lén lút trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động trị giá 7.197.500 đồng và số tiền 9.500.000 đồng nhằm để phục vụ mục đích tiêu xài nhu cầu cá nhân của mình. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 16.697.500 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn thống nhất và phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội. Đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình, lo lắng trong nhân dân. Là thanh niên được ăn học, giáo dục pháp luật đầy đủ nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, chịu khó làm ăn mà sớm hình thành trong mình những thói hư tật xấu, chơi bời lêu lổng, có lối sống hưởng thụ. Bị cáo chỉ cần có cơ hội là thực hiện ngay hành vi phạm tội mặc dù vẫn nhận thức được rõ hành vi đó của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật.

Quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, qua đó quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về điểm, khoản, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo xét thấy là phù hợp. Xét về nhân thân thì Lê Tuấn A là đối tượng có nhân thân xấu, mặc dù bị cáo bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính nhiều lần nhưng bị cáo không tu chí làm ăn, nhận thức được việc làm sai trái để có hướng khắc phục sửa chữa lỗi lầm, sống tuân thủ pháp luật mà lại tiếp tục thực hiện phạm tội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại về tài sản không lớn, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt chỉ hơn 16 triệu đồng; bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền đầy đủ cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả do mình gây ra; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho những người bị hại; tại phiên tòa người bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự cho bị cáo được học

tập, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét bị cáo Lê Tuấn A có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có chính quyền địa phương xác nhận vì vậy miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trực tiếp gây thiệt hại về tài sản của anh Hoàng Nam Y, anh Hoàng Minh N, chị Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Đ, tuy nhiên, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt một phần đã được thu giữ kịp thời giao trả cho người bị hại chị B, anh Y. Phần còn lại bị cáo đã thỏa thuận và tự nguyện thực hiện nghĩa vụ bồi thường tương ứng với thiệt hại gây ra cho anh Y số tiền là 3.321.000 đồng, bồi thường cho bà Đ số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho anh N số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần B số tiền 400.000 đồng, hoàn trả cho anh Ngô Xuân H số tiền 1.000.000 đồng. Sự thỏa thuận đó giữa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên được ghi nhận. Đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, như vậy phần trách nhiệm dân sự trong vụ án đã thực hiện xong, Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Về vật chứng vụ án: Đã được thu giữ và xử lý theo đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Về án phí: Bị cáo Lê Tuấn A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 31; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Tuấn A** 24 (hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 56 ngày bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 04/5/2017, được quy đổi thành 168 (một trăm sáu mươi tám) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 18 (mười tám) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo Lê Tuấn A.

Giao bị cáo Lê Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Tuấn A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NBH; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương